



Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

3300101124

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3300101124 ngày 28 tháng 3 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các Giấy chứng nhận điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội
Ông Takahashi Yukio
Ông Nguyễn Quốc Thành
Ông Nguyễn Viết Tạo
Ông Go Fujiyama

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 2 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 21 tháng 2 năm 2017)

Ông Đinh Nhật Tân

Thành viên

(đến ngày 21 tháng 2 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Johnny Cheung - Ching Fu

Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 10 năm 2017)

Ông Nguyễn Quốc Thành

Tổng Giám đốc
(đến ngày 30 tháng 9 năm 2017)

Ông Trần Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Minh Quốc

Trưởng ban kiểm soát
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2017)

Bà Ngô Thị Minh Nguyệt

Trưởng ban kiểm soát
(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)

Bà Đào Thị Chinh

Thành viên

Bà Đặng Thị Hoa

Thành viên

(đến ngày 21 tháng 4 năm 2017)

Ông Yukiaki Hayashi

Thành viên

(từ ngày 22 tháng 4 năm 2017)

đến ngày 19 tháng 10 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 2, Nguyễn Công Trứ
Thành phố Huế
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Lỗi từ công ty liên kết

Như đã trình bày ở Thuyết minh 6(b), Tập đoàn ghi nhận lỗ phát sinh trước năm 2016 từ công ty liên kết 1,05 tỷ VND vào kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, làm giảm 1,05 tỷ đồng kết quả hoạt động kinh doanh cho năm 2016. Trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2017 về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này. Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tiếp tục ngoại trừ cho ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu năm hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý và xóa sổ và chi phí trả trước dài hạn xóa sổ

Như đã trình bày ở Thuyết minh 13, Tập đoàn đã thanh lý và xóa sổ một số tài sản cố định hữu hình và xóa sổ một số chi phí trả trước dài hạn trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ghi nhận giá trị còn lại là 6.814 triệu VND của các tài sản và chi phí trả trước này vào xây dựng cơ bản dở dang thay vì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Nếu các tài sản và chi phí trả trước dài hạn này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang và thuế phải trả Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm lần lượt là 6.814 triệu VND và 1.363 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: lần lượt là 6.814 triệu VND và 1.363 triệu VND), và lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng thêm 5.451 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2017: 5.451 triệu VND). Trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2017 về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề này. Ý kiến của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tiếp tục ngoại trừ cho ảnh hưởng của sự so sánh tương ứng giữa số liệu năm hiện hành với số liệu so sánh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-499/HN



Chang Hưng Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		68,394,036,918	205.929.224.993
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.528.219.622	142.723.367.648
Tiền	111		43.528.219.622	138.831.784.262
Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	3.891.583.386
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.300.000.000	800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.300.000.000	800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.491.065.576	61.448.739.604
Phải thu khách hàng	131	7	5.552.219.968	4.543.440.309
Trả trước cho người bán	132		182.232.880	1.130.259.068
Phải thu về cho vay	135		-	46.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	5.316.306.436	11.258.418.935
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(1.559.693.708)	(1.483.378.708)
Hàng tồn kho	140	10	844.567.228	907.388.501
Tài sản ngắn hạn khác	150		230.184.492	49.729.240
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	28.113.698
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		230.184.492	21.615.542

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		199.940.631.171	165.063.570.197
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.448.817.680	5.448.817.680
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.448.817.680	5.448.817.680
Tài sản cố định	220		39.326.007.845	44.432.878.969
Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.305.696.374	43.406.174.056
Nguyên giá	222		99.144.315.222	98.899.407.949
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.838.618.848)	(55.493.233.893)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.020.311.471	1.026.704.913
Nguyên giá	228		1.308.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.026.529)	(281.633.087)
Tài sản dở dang dài hạn	240		28.213.029.758	13.168.457.222
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	28.213.029.758	13.168.457.222
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	116.040.180.428	85.686.475.777
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		116.040.180.428	85.686.475.777
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		10.912.595.460	16.326.940.549
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	10.912.595.460	16.326.940.549
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		268.334.668.089	370.992.795.190

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		44.291.332.562	148.143.471.622
Nợ ngắn hạn	310		42.961.759.562	146.264.298.622
Phải trả người bán	311	15	3.493.537.020	3.211.501.278
Người mua trả tiền trước	312		970.221.664	152.701.860
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	16	995.551.793	1.298.463.254
Phải trả người lao động	314		3.105.671.009	3.564.483.203
Phải trả khác	319	17	33.591.910.034	134.775.279.414
Vay ngắn hạn	320	18(a)	549.600.000	3.261.869.613
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		74.395.726	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		180.872.316	-
Nợ dài hạn	330		1.329.573.000	1.879.173.000
Vay dài hạn	338	18(b)	1.329.573.000	1.879.173.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		224.043.335.527	222.849.323.568
Vốn chủ sở hữu	410	19	224.043.335.527	222.849.323.568
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		47.223.517.700	47.223.517.700
Lỗi lũy kế	421		(24.223.336.403)	(25.410.464.166)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.410.464.166)	(17.790.177.074)
- Lỗi/(lỗi) năm nay	421b		1.187.127.763	(7.620.287.092)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.043.154.230	1.036.270.034
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		268.334.668.089	370.992.795.190

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	81.502.660.112	77.942.829.245
Giá vốn hàng bán	11		64.226.998.636	65.459.299.559
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		17.275.661.476	12.483.529.686
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.101.765.494	2.782.569.644
Chi phí tài chính	22	24	206.704.801	4.816.360.214
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		192.253.587	582.725.916
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	7.142.233.966	5.035.772.740
Chi phí bán hàng	25		1.968.642.879	1.093.718.767
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	24.066.100.612	23.909.928.862
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		278.212.644	(9.518.135.773)
Thu nhập khác	31		1.225.792.393	6.083.722.526
Chi phí khác	32		83.250.328	3.711.103.400
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.142.542.065	2.372.619.126
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang sau)	50		1.420.754.709	(7.145.516.647)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế (mang từ trang trước sang)	50		1.420.754.709	(7.145.516.647)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	226.742.750	511.591.995
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.194.011.959	(7.657.108.642)
Phân bổ cho:				
Các cổ đông của công ty mẹ	61		1.187.127.763	(7.620.287.092)
Cổ đông không kiểm soát	62		6.884.196	(36.821.550)
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	59	(381)

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	01		1.420.754.709	(7.145.516.647)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		5.351.778.397	5.620.574.464
Các khoản dự phòng	03		150.710.726	766.268.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.865.855	95.707.819
Lỗ do thanh lý tài sản cố định			-	693.027.638
Lỗ do xóa sổ tài sản cố định	05		-	8.461.539
Lãi tiền gửi và cho vay	05		(2.080.475.567)	(2.686.861.825)
Lãi trong công ty liên kết	05	6(b)	(7.142.233.966)	(5.035.772.740)
Chi phí lãi vay	06		192.253.587	582.725.916
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.102.346.259)	(7.101.385.166)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		1.192.937.493	(2.315.212.763)
Biến động hàng tồn kho	10		62.821.273	103.969.565
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(94.735.928)	(4.468.760.365)
Biến động chi phí trả trước	12		5.442.458.787	2.956.119.921
			4.501.135.366	(10.825.268.808)
Tiền lãi vay đã trả	14		(192.253.587)	(582.725.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(511.591.995)	(647.726.753)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	101.476.508
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.797.289.784	(11.954.244.969)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

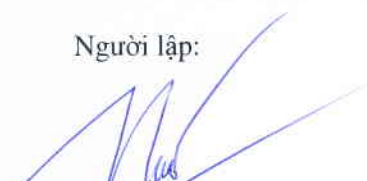
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(17.450.597.909)	(10.501.263.630)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	943.527.265
Tiền chi cho vay	23		-	(51.000.000.000)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(500.000.000)	(800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		46.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		509.975.567	2.686.861.825
Tiền thu từ cổ tức	27		-	10.459.725.863
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		13.559.377.658	(43.211.148.677)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.750.000.000
Tiền thu để chi hộ từ Công ty mẹ	33		-	158.423.559.521
Tiền chi trả khoản thu hộ	34		(100.285.080.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(549.996.000)	(320.831.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(100.835.076.000)	160.852.728.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(83.478.408.558)	105.687.334.875
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		140.011.494.035	34.419.866.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.865.855)	(95.707.819)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	56.528.219.622	140.011.494.035

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Lê Bá Giang
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 2 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Mua bán thức uống có cồn và không cồn);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa); và
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 2 công ty con và 7 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty con và 6 công ty liên kết).

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
Các công ty con							
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Kinh doanh du lịch, đại lý vé máy bay	11 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	100%	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Du Lịch Mỹ An	Kinh doanh du lịch, khách sạn	Thôn Mỹ An, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.	91,38%	91,38%	91,38%	91,38%	91,38%
Các công ty liên kết							
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	40%	40%	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế (a)	Kinh doanh thể thao, khu vui chơi giải trí	Công viên Ngự Bình, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	20%	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc (b)	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	31,33%	31,33%	31,33%	31,33%	31,33%

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn sở hữu tại ngày 31/12/2017	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017	1/1/2017
Các công ty liên doanh					
Công ty TNHH Sài Gòn – Morin Huế	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch	30 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	50%	50%	50%
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (c)	Kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch, khách sạn	5190 Shindo Sagamiharashi Kanagawa, Nhật Bản.	50%	50%	50%
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	49%	49%	49%
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành (d)	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	35%	-	35%

(a) Ngày 31/8/2009, Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế đã có quyết định giải thể do các bên tham gia góp vốn ngừng đầu tư vào dự án, toàn bộ khoản đầu tư bị tổn thất không có giá trị thu hồi và đã xóa sổ toàn bộ.

(b) Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang thực hiện các thủ tục giải thể.

(c) Công ty liên doanh với một công ty của Nhật Bản để mở nhà hàng tại Nhật Bản, tuy nhiên từ khi hoạt động, liên doanh liên tiếp thua lỗ, theo biên bản làm việc giữa hai công ty ngày 3 tháng 6 năm 2010, trong đó đối tác tại Nhật Bản sẽ mua lại toàn bộ tài sản và chuyển trả cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang số tiền tương ứng là 122.000 USD. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng đối tác liên doanh đã mất khả năng thanh toán nên khoản đầu tư này có thể không thu hồi được.

(d) Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành được thành lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3301559816 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 354 nhân viên (1/1/2017: 343 nhân viên).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại của khoản đầu tư này. Khi giá trị thị trường không có sẵn thì dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản ước tính chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 15 năm
▪ thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được xác định bằng 10% trên tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(ii) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(iii) Phí cải tạo tài sản

Phí cải tạo tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Dịch vụ cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan

Doanh thu cho thuê phòng, các dịch vụ khách sạn khác có liên quan và bán vé tham quan được ghi nhận khi khách hàng sử dụng các dịch vụ này.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi/(lỗ) cơ bản và lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	896.346.314	591.047.976
Tiền gửi ngân hàng	42.630.719.108	138.240.736.286
Tiền đang chuyển	1.154.200	-
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	3.891.583.386
	56.528.219.622	142.723.367.648
Thấu chi ngân hàng	-	(2.711.873.613)
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	56.528.219.622	140.011.494.035

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% - 5%/năm trong năm (2016: 4,5% - 5%).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm 31,9 tỷ VND (1/1/2017: 131,9 tỷ VND) bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCĐN, ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Tập đoàn nhận hộ khoản tiền mua 62,9% cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 17).

6. Các khoản đầu tư**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm trong năm (2016: 6%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			1/1/2017		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Nguyên giá VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Nguyên giá VND
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	40%	40%	3.828.821.512	40%	40%	3.724.630.527
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế	20%	20%	-	20%	20%	-
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	31,33%	31,33%	940.000.000	31,33%	31,33%	940.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh						
▪ Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	50%	50%	53.103.059.572	50%	50%	50.720.625.000
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật	50%	50%	-	50%	50%	-
▪ Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	49%	49%	41.007.181.244	49%	49%	30.301.220.250
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành	35%	35%	17.161.118.100	-	-	-
			<u>116.040.180.428</u>			<u>85.686.475.777</u>
Đầu tư vào đơn vị khác						
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An (*)	12%	12%	3.000.000.000	12%	12%	3.000.000.000
			<u></u>			<u></u>

(*) Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	85.686.475.777	88.201.055.622
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (i)	17.161.118.100	-
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết trong năm	7.142.233.966	6.086.968.088
Phần lỗ trong các công ty liên doanh, liên kết năm trước (ii)	-	(1.051.195.348)
Cổ tức hoàn trả/(nhận được) (iii)	6.050.352.585	(7.550.352.585)
	<u>116.040.180.428</u>	<u>85.686.475.777</u>

- (i) Trong năm, Tập đoàn đã góp 15.000.000.000 VND bằng tiền và 2.161.118.100 VND giá trị xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) vào Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành.
- (ii) Tập đoàn ghi nhận phần lỗ phát sinh trước năm 2016 từ công ty liên kết 1,05 tỷ VND vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- (iii) Trong năm 2016, Tập đoàn đã ghi nhận cổ tức được chia với số tiền là 6.050.352.585 VND từ Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành trong bảng cân đối kế toán hợp nhất. Trong năm 2017, Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành đã quyết định không chi trả cổ tức cổ tức đã công bố trong năm 2016 để đầu tư và nâng cấp mở rộng khách sạn theo Biên bản họp của Hội đồng Thành viên ngày 20 tháng 7 năm 2017. Theo đó, Tập đoàn đã ghi giảm khoản cổ tức phải thu này và điều chỉnh tăng khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	32.558.270.125	22.731.624.430	9.826.645.695	260.477.463
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	84.209.476.684	8.776.625.272	75.432.851.412	4.764.869.143
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	135.659.294.865	40.490.417.890	95.168.876.975	9.501.241.651
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành	20.903.171.762	3.670.956.683	17.232.215.079	-

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế VND
Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	32.825.529.085	23.513.452.767	9.312.076.318	(3.658.461.242)
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	80.673.228.999	10.005.246.730	70.667.982.269	6.676.568.654
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	93.082.449.048	19.796.677.048	73.285.772.000	12.347.658.337

7. Phải thu khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	717.110.038
Công ty Cổ phần Tulico Hương Giang	720.000.000	720.000.000
Các khách hàng khác	4.115.109.930	3.106.330.271
	5.552.219.968	4.543.440.309

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco – cổ đông	8.440.000	3.400.000
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành	7.837.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	420.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu khác

(a) Ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải thu	-	6.050.352.585
Tạm ứng cho người lao động	1.458.471.000	1.527.782.571
Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1.570.500.000	-
Phải thu từ dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	1.895.128.210
Phải thu từ chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	298.897.338
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	182.764.610	281.178.432
Phải thu từ chi hộ Công ty Du lịch Cổ đô	-	229.000.000
Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	220.639.373
Phải thu khác	651.343.588	755.440.426
	5.316.306.436	11.258.418.935

(b) Dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	4.948.817.680
Ký quỹ	500.000.000	500.000.000
	5.448.817.680	5.448.817.680

(*) Đây là các khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiền Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiền Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyền Trân. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyền Trân) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này. Do việc bàn giao công trình chưa hoàn thành nên Công ty tiếp tục theo dõi là khoản phải thu từ Công ty Văn hóa Đất Việt.

(c) Phải thu khác là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1.570.500.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	1.895.128.210

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi yêu cầu.

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

		31/12/2017		1/1/2017
	Ngày quá hạn	VND	Ngày quá hạn	VND
Nợ quá hạn từ				
Công ty TNHH Đầu tư và				
Phát triển Thuận An	Hơn 4 năm	717.110.038	Hơn 3 năm	717.110.038
Công ty Cổ phần Tulico				
Hương Giang	Hơn 4 năm	720.000.000	Hơn 3 năm	720.000.000
Các khách hàng khác	Hơn 2 năm	122.583.670	Hơn 1 năm	46.268.670
		<u>1.559.693.708</u>		<u>1.483.378.708</u>
Dự phòng		<u>(1.559.693.708)</u>		<u>(1.483.378.708)</u>
Giá trị có thể thu hồi		<u>-</u>		<u>-</u>

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.483.378.708	717.110.038
Tăng dự phòng trong năm	76.315.000	766.268.670
	<u>1.559.693.708</u>	<u>1.483.378.708</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	414.288.146	453.557.843
Công cụ và dụng cụ	-	6.727.272
Hàng hóa	430.279.082	447.103.386
	<u>844.567.228</u>	<u>907.388.501</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	66.012.759.189	11.993.198.414	20.089.308.702	804.141.644	98.899.407.949
Tăng trong năm	-	-	244.907.273	-	244.907.273
Số dư cuối năm	66.012.759.189	11.993.198.414	20.334.215.975	804.141.644	99.144.315.222
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.491.517.998	9.715.545.385	6.566.683.045	719.487.465	55.493.233.893
Khấu hao trong năm	2.955.413.584	722.932.622	1.642.759.472	24.279.277	5.345.384.955
Số dư cuối năm	41.446.931.582	10.438.478.007	8.209.442.517	743.766.742	60.838.618.848
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	27.521.241.191	2.277.653.029	13.522.625.657	84.654.179	43.406.174.056
Số dư cuối năm	24.565.827.607	1.554.720.407	12.124.773.458	60.374.902	38.305.696.374

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 16.455 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 11.180 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 5.196 triệu VND (1/1/2017: 5.471 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	281.633.087	281.633.087
Khấu hao trong năm	-	6.393.442	6.393.442
Số dư cuối năm	-	288.026.529	288.026.529
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	999.000.000	27.704.913	1.026.704.913
Số dư cuối năm	999.000.000	21.311.471	1.020.311.471

(*) Quyền sử dụng đất không có thời hạn và không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	13.168.457.222	2.902.060.708
Tăng trong năm	17.205.690.636	3.451.862.043
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	-	4.135.326.889
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã xóa sổ và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	-	2.394.871.865
Chi phí trả trước dài hạn đã xóa sổ và được chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (*)	-	284.335.717
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 6(a))	(2.161.118.100)	-
Số dư cuối năm	28.213.029.758	13.168.457.222

- (*) Trong năm 2016, Tập đoàn đã thanh lý và xóa sổ một số tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn và ghi nhận giá trị còn lại 6.814 triệu VND của các tài sản này vào xây dựng cơ bản dở dang thay vì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án mở rộng khu du lịch Mỹ An	17.438.426.206	10.106.671.043
Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang	8.812.118.344	-
Văn phòng 1A Tự Đức	1.003.597.208	900.668.079
Công trình 91 Hàn Thuyên (**)	-	2.161.118.100
Khác	958.888.000	-
Tổng cộng	28.213.029.758	13.168.457.222

- (**) Công trình này được sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành (Thuyết minh 6(b)).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Phân bổ trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (*)	3.199.233.675	-	(3.199.233.675)	-
Công cụ và dụng cụ	6.513.849.705	565.202.642	(2.541.931.059)	4.537.121.288
Phí cải tạo tài sản	2.952.300.303	1.215.475.042	(1.145.843.388)	3.021.931.957
Khác	3.661.556.866	1.959.014.801	(2.267.029.452)	3.353.542.215
	16.326.940.549	3.739.692.485	(9.154.037.574)	10.912.595.460

- (*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – Công ty Du lịch Hương Giang (sau này là Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang). Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa dựa trên biên bản định giá ngày 31 tháng 8 năm 2006 do Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính phát hành và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ông Nguyễn Minh An	227.198.250	-
Công ty Cổ phần Quản lý Điểm đến Châu Á	376.456.298	-
Công ty Cổ phần Asia DMC	-	376.456.298
Các nhà cung cấp khác	2.889.882.472	2.835.044.980
Số có khả năng thanh toán	3.493.537.020	3.211.501.278

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Du Lịch Lăng Cô	42.135.000	9.180.000

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	753.774.435	8.115.550.727	(8.061.879.677)	807.445.485
Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.320.974	143.734.536	(144.898.817)	8.156.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	511.591.995	226.742.750	(596.768.898)	141.565.847
Thuế thu nhập cá nhân	23.775.850	284.977.944	(271.527.489)	37.226.305
Các loại thuế khác	-	7.662.699.060	(7.661.541.597)	1.157.463
	1.298.463.254	16.433.705.017	(16.736.616.478)	995.551.793

17. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	31.603.342.006	131.888.422.006
Lãi tiền gửi ngân hàng phải trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	320.758.624	-
Thu hồi vốn góp tại công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ giải quyết	518.052.851	518.052.851
Các khoản phải trả khác	1.149.756.553	2.368.804.557
	33.591.910.034	134.775.279.414

- (*) Trong tháng 3 năm 2016, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã mua lại 62,9% số vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang từ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 624/QĐ-UBND, ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, Tập đoàn nhận hộ khoản tiền mua cổ phần này từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco và sẽ chi trả lại cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (Thuyết minh 5).

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 VND	Biến động trong năm		31/12/2017 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Thấu chi ngân hàng	2.711.873.613	-	(2.711.873.613)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	549.996.000	549.600.000	(549.996.000)	549.600.000
	3.261.869.613	549.600.000	(3.261.869.613)	549.600.000
Số có khả năng trả nợ	3.261.869.613			549.600.000

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	1.879.173.000	2.429.169.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(549.600.000)	(549.996.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.329.573.000	1.879.173.000

Vay ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (“Ngân hàng”) nhằm tài trợ cho việc mua xe. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm (1/1/2017: 6,5%) và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 5.196 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 5.471 triệu VND) (Thuyết minh 11). Lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được hoàn trả trong 41 kỳ bằng nhau, với số tiền 45,8 triệu VND bắt đầu từ ngày 6 tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	47.223.517.700	1.203.245.427	(18.993.422.501)	1.073.091.584	230.506.432.210
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(7.620.287.092)	(36.821.550)	(7.657.108.642)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(1.203.245.427)	1.203.245.427	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	-	(25.410.464.166)	1.036.270.034	222.849.323.568
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.187.127.763	6.884.196	1.194.011.959
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	200.000.000.000	47.223.517.700	-	(24.223.336.403)	1.043.154.230	224.043.335.527

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa chi phí phát hành và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	6.245.640.261	5.185.291.890
Trong vòng 2 đến 5 năm	19.333.234.637	18.475.110.429
Sau 5 năm	54.651.307.138	57.016.320.939
	80.230.182.036	80.676.723.258

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	14.485	328.055.564	10.498	238.415.262
EUR	1.398	37.779.245	3.419	80.686.391

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	538.032.534.842	522.093.534.842
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	22.706.465.158	22.706.465.158
	560.739.000.000	544.800.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	2.080.475.567	2.686.861.825
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.289.927	95.707.819
	2.101.765.494	2.782.569.644

24. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuê đất cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	-	4.173.075.368
Chi phí lãi vay	192.253.587	582.725.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.451.214	60.558.930
	206.704.801	4.816.360.214

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nhân công	9.163.829.690	9.507.870.688
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.199.233.675	3.047.010.584
Thuế, phí và lệ phí	2.198.388.784	1.741.155.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.483.061.341	2.505.463.167
Chi phí nguyên liệu	2.068.882.797	2.042.605.278
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.383.614.300	1.966.652.245
Chi phí khác	1.569.090.025	3.099.170.942
	24.066.100.612	23.909.928.862

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	31.284.317.779	28.459.139.161
Chi phí nguyên vật liệu	27.026.895.272	25.717.049.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.374.540.446	17.985.928.387
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.351.778.397	5.620.574.464
Phân bổ lợi thế thương mại từ cổ phần hóa	3.199.233.675	3.047.010.584
Chi phí khác	7.024.976.558	9.633.245.398

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	1.420.754.709	(7.145.516.647)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	284.150.942	(1.429.103.329)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.552.566	1.166.925.429
Thu nhập không bị tính thuế	(1.428.446.793)	(1.007.154.548)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(467.888.607)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.364.486.035	2.248.813.050
	226.742.750	511.591.995

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	39.109.087.784	7.821.817.556	32.286.657.606	6.457.331.521

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	9.782.422.268
2020	Chưa quyết toán	11.260.170.085
2021	Chưa quyết toán	11.244.065.253
2022	Chưa quyết toán	6.822.430.178
		39.109.087.784

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (năm kết thúc ngày 31/12/2016: 20%).

28. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu**(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2016: 20.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lãi/(lỗ) thuần trong năm (*)	1.187.127.763	(7.620.287.092)

- (*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định việc trích quỹ này. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông và lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017 VND	2016 VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017.

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Cần trừ các khoản phải thu và phải trả	-	26.535.137.515

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Cổ đông		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Bán hàng hóa và dịch vụ	68.797.000	606.096.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	819.414.545
Các khoản vay	-	51.000.000.000
Chi trả hộ	-	158.423.559.521
Nhận tiền cho vay	46.000.000.000	5.000.000.000
Lãi cho vay	1.809.000.000	1.927.140.126
Nhận lãi	-	1.632.572.292
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Kinh Thành		
Góp vốn	17.161.118.100	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành		
Nhận cổ tức được phân chia năm trước	-	5.335.710.362
Cổ tức	-	6.050.352.585

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Sài Gòn - Morin Huế		
Nhận cổ tức được phân chia năm trước	-	3.400.000.000
Cổ tức	-	1.500.000.000
Chi trả hộ	-	985.842.179
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và phụ cấp	1.400.571.921	984.519.000

31. Điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2016

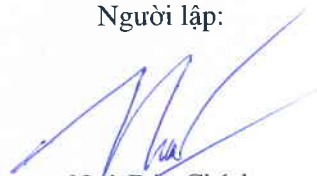
Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện một vài sai sót liên quan đến việc phân loại các chi phí hoạt động khách sạn trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót này cho số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND (điều chỉnh lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	65.459.299.559	60.296.130.981
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.909.928.862	29.073.097.440

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc